

Số: 4549/QĐ-ĐHCT

Cần Thơ, ngày 15 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc miễn học phí cho sinh viên.

Căn cứ Điều 11, Mục 2 Chương II của Điều lệ trường đại học, ban hành kèm theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg, ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định Hiệu trưởng trường đại học;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP, ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2020 – 2021;

Xét đơn xin miễn, giảm học phí của sinh viên;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Công tác Sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Miễn học phí cho sinh viên **Ngô Thanh Trường**; MSSV: C1700352; Lớp KT1721A1 là đối tượng dân tộc thiểu số thuộc hộ cận nghèo.

Điều 2. Thời gian miễn học phí học kỳ I, năm học 2018-2019. Mức học phí miễn, giảm được căn cứ theo số tín chỉ quy định trong khối lượng chương trình đào tạo của Trường và quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP của Chính phủ. Thời gian sinh viên bị kỷ luật ngừng học hoặc buộc thôi học, học lưu ban, học lại, ngừng học, học bổ sung sẽ không được tính miễn học phí.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký. Các ông (bà) Trưởng phòng Kế hoạch tổng hợp, Công tác Sinh viên, Đào tạo, Tài vụ và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, P.CTSV.



Số: 4550/QĐ-ĐHCT

Cần Thơ, ngày 15 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc miễn, giảm học phí cho sinh viên.

Căn cứ Điều 11, Mục 2 Chương II của Điều lệ trường đại học, ban hành kèm theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg, ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định Hiệu trưởng trường đại học;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP, ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2020 – 2021;

Xét đơn xin miễn, giảm học phí của sinh viên;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Công tác Sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Miễn, giảm học phí cho **259** sinh viên **Khóa 44** có tên sau đây thuộc đối tượng miễn, giảm học phí quy định tại Chương III, Nghị định 86/2015/NĐ-CP của Chính phủ:

(Danh sách kèm theo)

Điều 2. Thời gian miễn, giảm học phí kể từ học kỳ I, năm học 2018-2019. Mức học phí miễn, giảm được căn cứ theo số tín chỉ quy định trong khối lượng chương trình đào tạo của Trường và quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP của Chính phủ. Thời gian sinh viên bị kỷ luật ngừng học hoặc buộc thôi học, học lưu ban, học lại, ngừng học, học bổ sung sẽ không được tính miễn học phí.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký. Các ông (bà) Trưởng phòng Kế hoạch tổng hợp, Công tác Sinh viên, Đào tạo, Tài vụ và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, P.CTSV.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Thanh Hiền

DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 44 ĐƯỢC MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ

(Kèm theo Quyết định số: 4550/QĐ- ĐHCT, ngày 15 tháng 10 năm 2018 của Hiệu trưởng)

Stt	Mã SV	Họ và Tên	Lớp	Đối tượng	Tỉ lệ Miễn, giảm
1	B1800005	Trần Tú Trinh	NN1808A1	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
2	B1800035	Thạch Thị Thủy Dung	XH18U4A2	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
3	B1800084	Trần Hóa	DA1866A1	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
4	B1800089	Danh Thị Hoài Nhy	DA1866A3	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
5	B1800090	Danh Minh Hiếu	NN1867A1	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
6	B1800113	Neáng Thay	KT1890A1	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
7	B1800119	Danh Tiền	TN18S3A1	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
8	B1800120	Chau Sóc Ly	TN18S3A2	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
9	B1800127	Lý Minh Đại	KH18T3A2	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
10	B1800133	Lâm Thị Liễu	KH18T3A2	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
11	B1800142	Danh Thị Mai Thanh	KH18T3A2	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
12	B1800153	Thị Neo	XH18U4A1	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
13	B1800154	Thị Tiếp	XH18U4A1	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
14	B1800155	Neàng Sóc Phiếp	XH18U4A2	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
15	B1800186	Lý Thị Minh Nguyệt	XH18W8A2	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
16	B1800190	Tiên Quốc	MT18X7A1	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
17	B1800262	Kim Thị An	NN1808A3	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
18	B1800283	Võ Kim Đại	NN1808A3	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
19	B1800326	Dương Thanh Ngân	NN1808A3	Con Thương binh	100%
20	B1800345	Thạch Thị Thu Nhi	NN1808A1	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
21	B1800402	Trần Bảo Trân	NN1808A1	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
22	B1800406	Lý Thị Mộng Trinh	NN1808A3	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
23	B1800418	Thị Vàng	NN1808A3	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
24	B1800430	Trần Hải Yến	NN1808A3	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
25	B1800439	Lý Chiến	NN1808A4	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
26	B1800452	Lư Trúc Đào	NN1808A4	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
27	B1800526	Thạch Minh Pháp	NN1808A2	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
28	B1800536	Phòng Trần Thúy Quyên	NN1808A2	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
29	B1800602	Trần Như Ý	NN1808A4	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
30	B1800612	Trang Thị Hoàng Quyên	NN1808F1	Con Thương binh	100%
31	B1800698	Lý Chí Hải	TS1813A1	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
32	B1800791	Lý Văn Thiện	TS1813A1	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
33	B1800857	Lý Lâm Hân	TS1813A2	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
34	B1800859	Trang Sĩ Hậu	TS1813A2	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
35	B1800945	Ong Minh Thế	TS1813A2	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
36	B1801001	Lý Thiên Nhi	HG1813A1	DTTS ở vùng ĐBKK	70%

Stt	Mã SV	Họ và Tên	Lớp	Đối tượng	Tỉ lệ Miễn, giảm
37	B1801108	Nguyễn Thị Hiền Diệu	NN1819A1	Con Thương binh	100%
38	B1801124	Liêu Hán Lân	NN1819A1	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
39	B1801176	Trần Tuấn Kiệt	NN1819A1	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
40	B1801179	Thạch Thị Ngọc Mụi	NN1819A1	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
41	B1801195	Thị Pì Sươ	NN1819A1	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
42	B1801245	Phương Thị Diệu	KT1820A1	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
43	B1801270	Neáng Sa Nê	KT1820A1	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
44	B1801338	Chanh Thu Huyền	KT1820A2	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
45	B1801458	Dương Ngọc Oanh	KT1821A1	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
46	B1801521	Neáng Li Hương	KT1821A2	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
47	B1801530	Chung Triều Nghi	KT1821A2	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
48	B1801614	Ong Nhật Linh	KT1822A1	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
49	B1801643	Danh Thị Yên Nhung	KT1822A1	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
50	B1801739	Dương Khã Nghi	KT1822A2	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
51	B1801759	Sơn Thị Hồng Phúc	KT1822A3	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
52	B1801789	Sơn Thị Quế Trân	KT1822A2	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
53	B1801817	Thạch Thị Hồng Hạnh	HG1822A1	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
54	B1801831	Bùi Hà Nghi	HG1822A1	Con Thương binh	100%
55	B1801834	Trịnh Thị Mỹ Nguyên	HG1822A1	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
56	B1801846	Võ Thị Thanh Thảo	HG1822A1	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
57	B1801861	Trần Thị Xú	HG1822A1	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
58	B1801864	Đỗ Hồng Anh	HG1822A1	Con người nhiễm CDHH	100%
59	B1801869	Thị Trúc Dang	HG1822A1	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
60	B1801939	Lý Gia Hân	KT1823A1	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
61	B1801976	Lưu Mỹ Phương	KT1823A1	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
62	B1802022	Danh Thị Ngọc Ánh	KT1823A2	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
63	B1802070	Nguyễn Hà Phương	KT1823A2	Con Thương binh	100%
64	B1802099	Nguyễn Ngọc Tú	KT1823A2	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
65	B1802421	Lâm Phúc Hậu	LK1863A1	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
66	B1802422	Nguyễn Minh Hiếu	LK1864A1	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
67	B1802462	Neáng Nít	LK1864A1	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
68	B1802466	Nguyễn Khắc Hoài Phương	LK1864A1	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
69	B1802505	Hoàng Thị Yên	LK1865A1	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
70	B1802513	Trần Ngọc Kim Chi	LK1864A2	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
71	B1802518	Sơn Thị Mỹ Duyên	LK1865A2	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
72	B1802529	Danh Thị Thanh Huyền	LK1864A2	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
73	B1802554	Thạch Khánh Nghiệp	LK1865A2	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
74	B1802578	Diệp Kim Trúc Thanh	LK1865A2	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
75	B1802590	Danh Gia Tính	LK1863A2	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
76	B1802627	Trần Minh Hải	LK1863A1	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
77	B1802642	Lý Văn Kiệt	LK1865A1	DTTS ở vùng ĐBKK	70%

Stt	Mã SV	Họ và Tên	Lớp	Đối tượng	Tỉ lệ Miễn, giảm
78	B1802653	Triệu Thùy Mỹ	LK1865A1	Con Thương binh	100%
79	B1802675	Trương Minh Phương	LK1864A1	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
80	B1802702	Lâm Thị Tuyết Trinh	LK1864A1	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
81	B1802968	Sơn Hoàng Linh	MT1838A1	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
82	B1803015	Trần Thị Ngọc Trân	MT1838A1	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
83	B1803136	Triệu Hoàng Long	KT1845A1	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
84	B1803192	Lâm Thị Thanh Ngân	KT1845A2	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
85	B1803201	Võ Hồng Phúc	KT1845A2	Con Thương binh	100%
86	B1803265	Ong Hoàng Khởi	TN1884A1	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
87	B1803280	Đinh Tân Lực	TN1885A1	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
88	B1803310	Lý Chanh Riêng	TN1884A1	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
89	B1803349	Dương Đình Bảo	TN1885A1	Con Thương binh	100%
90	B1803356	Ong Hải Cơ	TN1884A2	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
91	B1803372	Trần Nhật Hào	TN1884A2	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
92	B1803385	Lý Dương Khang	TN1884A2	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
93	B1803452	Nguyễn Thịnh	TN1884A2	Con Thương binh	100%
94	B1803453	Nguyễn Huy Thông	TN1893A2	Con Thương binh	100%
95	B1803454	Ngô Lâm Thời	TN1884A2	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
96	B1803483	Ngô Văn Chúc	TN1884A3	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
97	B1803491	Trần Thanh Đại	TN1893A2	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
98	B1803501	Trịnh Vĩnh Hào	TN1884A3	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
99	B1803535	Trịnh Văn Lợi	TN1884A3	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
100	B1803735	Lâm Thị Phương Thảo	MT1857A2	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
101	B1803787	Lâm Thị Huỗi	DA1866A1	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
102	B1803897	Tăng Thị Ngọc Cúc	DA1866A2	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
103	B1803911	Nguyễn Thị Hạnh	DA1866A3	Mồ côi cha mẹ	100%
104	B1803939	Kim Thị Thanh Ngân	DA1866A2	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
105	B1804067	Lưu Đặc Gia	NN1867A1	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
106	B1804088	Lâm Trường Khả	NN1867A1	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
107	B1804130	Thạch Thị Tuyết Phượng	NN1867A3	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
108	B1804142	Từ Thị Thẩm	NN1867A1	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
109	B1804245	Lý Bảo Nhi	NN1867A3	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
110	B1804506	Tăng Trường Lợi	NN1873A1	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
111	B1804508	Thạch Thị Chúc Ly	NN1873A1	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
112	B1804522	Trang Nàng Srây Ônl	NN1873A1	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
113	B1804526	Neáng Srây Rót	NN1873A1	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
114	B1804611	Chau Qua	NN1873A2	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
115	B1804648	Lê Thị Huỳnh Châu	NN1873A3	Con Thương binh	100%
116	B1804656	Bùi Trọng Đức	NN1873A3	Mồ côi cha mẹ	100%
117	B1804673	Bành Minh Khôi	NN1873A3	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
118	B1804691	Danh Quốc Nhân	NN1873A3	DTTS ở vùng ĐBKK	70%

Stt	Mã SV	Họ và Tên	Lớp	Đối tượng	Tỉ lệ Miễn, giảm
119	B1804779	Trần Thị Bích Hà	TS1876A1	DTTS ở vùng ĐBK	70%
120	B1804785	Dương Minh Kiệt	TS1876A1	DTTS ở vùng ĐBK	70%
121	B1804917	Tô Bửu	TS1882A1	DTTS ở vùng ĐBK	70%
122	B1804946	Lý Thị Xuân Mai	TS1882A1	DTTS ở vùng ĐBK	70%
123	B1805066	Lâm Quang Sen	TS1882A2	DTTS ở vùng ĐBK	70%
124	B1805068	Lý Yên Thanh	TS1882A2	DTTS ở vùng ĐBK	70%
125	B1805078	La Mỹ Tiên	TS1882A2	DTTS ở vùng ĐBK	70%
126	B1805128	Huỳnh Thị Hồng Liễu	TN1883A1	DTTS ở vùng ĐBK	70%
127	B1805191	Lưu Minh Tường	TN1883A1	DTTS ở vùng ĐBK	70%
128	B1805240	Sơn Ngọc Minh	TN1883A2	DTTS ở vùng ĐBK	70%
129	B1805284	Quách Mỹ Trân	TN1883A2	DTTS ở vùng ĐBK	70%
130	B1805348	Thạch Thị Thanh Nhi	KH1889A1	DTTS ở vùng ĐBK	70%
131	B1805384	Ngô Thị Kim Anh	KT1890A1	DTTS ở vùng ĐBK	70%
132	B1805451	Sơn Thị Thúy Cẩm	KT1890A2	DTTS ở vùng ĐBK	70%
133	B1805494	Lâm Thu Thảo	KT1890A2	DTTS ở vùng ĐBK	70%
134	B1805684	Chau Si Quých Đi	DI1895A2	DTTS ở vùng ĐBK	70%
135	B1805701	Tăng Ngọc Minh	DI1895A2	DTTS ở vùng ĐBK	70%
136	B1805707	Vương Tâm Như	DI1895A2	DTTS ở vùng ĐBK	70%
137	B1805711	Trần Mỹ Phụng	DI1895A2	DTTS ở vùng ĐBK	70%
138	B1805744	Lê Phú Cường	DI1896A1	Con Thương binh	100%
139	B1805803	Kim Thái Phong	DI1896A3	DTTS ở vùng ĐBK	70%
140	B1806098	Lâm Thị Thế	NN18S1A2	DTTS ở vùng ĐBK	70%
141	B1806128	Phù Thị Hồng Cẩm	TS18S2A1	DTTS ở vùng ĐBK	70%
142	B1806185	Lý Thị Trúc Phương	TS18S2A1	DTTS ở vùng ĐBK	70%
143	B1806304	Danh Tra	TN18S3A1	DTTS ở vùng ĐBK	70%
144	B1806501	Trần Thị Hồng Đào	KH18T3A1	Con Thương binh	100%
145	B1806520	Hồng Diễm Hương	KH18T3A2	DTTS ở vùng ĐBK	70%
146	B1806523	Trần Vĩ Khang	KH18T3A1	DTTS ở vùng ĐBK	70%
147	B1806599	Thạch Vượng	KH18T3A1	DTTS ở vùng ĐBK	70%
148	B1806722	Thạch Thị Thu Nga	TN18T5A1	DTTS ở vùng ĐBK	70%
149	B1806880	Sơn Minh Vũ	TN18T5A2	DTTS ở vùng ĐBK	70%
150	B1806907	Lâm Văn Hiếu	TN18T6A1	DTTS ở vùng ĐBK	70%
151	B1806911	Lý Hoàng Huy	TN18T6A1	DTTS ở vùng ĐBK	70%
152	B1806972	Diệp Hải Đăng	TN18T6A2	DTTS ở vùng ĐBK	70%
153	B1806988	Trần Duy Khánh	TN18T6A2	DTTS ở vùng ĐBK	70%
154	B1807070	Danh Giàu	TN18T7A1	DTTS ở vùng ĐBK	70%
155	B1807073	Lâm Hào	TN18T7A3	DTTS ở vùng ĐBK	70%
156	B1807077	Nguyễn Cao Minh Hiền	TN18T7A3	DTTS ở vùng ĐBK	70%
157	B1807114	Danh Thành Liêm	TN18T7A3	DTTS ở vùng ĐBK	70%
158	B1807115	Lâm Chí Linh	TN18T7A1	DTTS ở vùng ĐBK	70%
159	B1807141	Trần Nguyễn Bảo Ngọc	TN18T7A3	DTTS ở vùng ĐBK	70%

Stt	Mã SV	Họ và Tên	Lớp	Đối tượng	Tỉ lệ Miễn, giảm
160	B1807151	Danh Minh Nhựt	TN18T7A1	DTTS ở vùng ĐBK	70%
161	B1807234	Lưu Trường Duy	TN18T7A4	DTTS ở vùng ĐBK	70%
162	B1807336	Triệu Nhựt	TN18T7A4	DTTS ở vùng ĐBK	70%
163	B1807373	La Duy Thức	TN18T7A2	DTTS ở vùng ĐBK	70%
164	B1807377	Nguyễn Trung Tín	TN18T7A2	Con CNV bị TNLĐ	50%
165	B1807388	Nguyễn Văn Trường	TN18T7A2	Con Thương binh	100%
166	B1807557	Lâm Trường Hồ	DI18T9A1	DTTS ở vùng ĐBK	70%
167	B1807619	Kim Thành Công	DI18T9A2	DTTS ở vùng ĐBK	70%
168	B1807901	Danh Hệ	XH18U4A1	DTTS ở vùng ĐBK	70%
169	B1807974	Cao Trần Nhật Hào	XH18U4A2	DTTS ở vùng ĐBK	70%
170	B1807996	Huỳnh Nguyễn Tiết Nhi	XH18U4A2	Con Thương binh	100%
171	B1808028	Lâm Thị Kim Trúc	XH18U4A2	DTTS ở vùng ĐBK	70%
172	B1808063	Thạch Thị Hồng Ngân	NN18U5A1	DTTS ở vùng ĐBK	70%
173	B1808306	Kim Thị Ngọc Chi	FL18Z8A1	DTTS ở vùng ĐBK	70%
174	B1808347	Danh Thị Mỹ Trang	FL18V1A1	DTTS ở vùng ĐBK	70%
175	B1808396	Danh Tân	FL18V1A2	DTTS ở vùng ĐBK	70%
176	B1808421	Lý Ngọc Dung	FL18Z8A1	DTTS ở vùng ĐBK	70%
177	B1808441	Nguyễn Phan Bảo Ngân	FL18Z8A1	Mồ côi cha mẹ	100%
178	B1808455	Thị Thuận	FL18V1A1	DTTS ở vùng ĐBK	70%
179	B1808475	Lâm Kim Châu	FL18V1A2	DTTS ở vùng ĐBK	70%
180	B1808477	Lý Thị Thanh Dung	FL18V1A2	Mồ côi cha mẹ	100%
181	B1808481	Tăng Tuệ Phúc Hào	FL18V1A2	Con Thương binh	100%
182	B1808482	Hồ Ngọc Hân	FL18Z8A2	DTTS ở vùng ĐBK	70%
183	B1808517	Phạm Thị Mỹ Trang	FL18V1A2	Con Thương binh	100%
184	B1808745	Danh Thái Tài	MT18V4A1	DTTS ở vùng ĐBK	70%
185	B1808889	Đào Thị Ngọc Trúc	KT18V5A2	DTTS ở vùng ĐBK	70%
186	B1808903	Trần Nguyễn Minh Châu	TN18V6A1	DTTS ở vùng ĐBK	70%
187	B1808943	Võ Thị Mỹ Nghi	TN18V6A1	DTTS ở vùng ĐBK	70%
188	B1808947	Thạch Hồng Ngọc	TN18V6A1	DTTS ở vùng ĐBK	70%
189	B1809110	Thị Dui	DI18V7A1	DTTS ở vùng ĐBK	70%
190	B1809166	Thạch Thị Sô Phia	DI18V7A5	DTTS ở vùng ĐBK	70%
191	B1809171	Diệp Xuân Quang	DI18V7A1	DTTS ở vùng ĐBK	70%
192	B1809183	Châu Ngọc Thắm	DI18V7A1	DTTS ở vùng ĐBK	70%
193	B1809315	Dương Hoàng Tuấn	DI18V7A2	DTTS ở vùng ĐBK	70%
194	B1809330	Hứa Chung Cường	DI18V7A3	DTTS ở vùng ĐBK	70%
195	B1809395	Kim Thanh Sa Rây	DI18V7A5	DTTS ở vùng ĐBK	70%
196	B1809413	Sơn Thurol	DI18V7A3	DTTS ở vùng ĐBK	70%
197	B1809478	Lư Cẩm Long	DI18V7A4	DTTS ở vùng ĐBK	70%
198	B1809508	Huỳnh Khắc Sử	DI18V7A4	DTTS ở vùng ĐBK	70%
199	B1809855	Danh Chiến	ML18V9A1	DTTS ở vùng ĐBK	70%
200	B1809924	Danh Dữ	ML18V9A2	DTTS ở vùng ĐBK	70%

Stt	Mã SV	Họ và Tên	Lớp	Đối tượng	Tỉ lệ Miễn, giảm
201	B1809959	Thạch Thị Phương Thanh	ML18V9A2	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
202	B1810009	Phạm Phương Mai	KT18W1A1	Con Thương binh	100%
203	B1810023	Trang Yên Nhi	KT18W1A1	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
204	B1810035	Tăng Thị Thảo	KT18W1A1	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
205	B1810066	Phương Ngọc Bích	KT18W1A2	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
206	B1810069	Hà Cương	KT18W1A2	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
207	B1810094	Trần Vũ Luật	KT18W1A2	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
208	B1810180	Khưu Thị Trúc Lâm	KT18W2A1	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
209	B1810214	Neáng Quang	KT18W2A1	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
210	B1810216	Lý Thị Kim Quyền	KT18W2A1	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
211	B1810217	Tô Ngân Tâm	KT18W2A1	Con Thương binh	100%
212	B1810238	Nguyễn Thị Phương Trinh	KT18W2A1	Con CNV bị TNLĐ	50%
213	B1810356	Châu Quý An	KT18W3A1	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
214	B1810382	Nguyễn Thị Tuyết Mai	KT18W3A1	Con Thương binh	100%
215	B1810596	Trần Thị Cẩm Giang	KT18W4A2	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
216	B1810633	Ông Thị Trúc Quỳnh	KT18W4A2	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
217	B1810758	Trương Ngọc Trân	KT18W4F1	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
218	B1810914	Châu Thị Ta Na	XH18W7A2	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
219	B1810996	Lâm Vĩnh Hảo	XH18W8A1	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
220	B1811071	Lý Thùy Trang	XH18W8A1	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
221	B1811093	Nguyễn Thị Như Ý	XH18W8A1	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
222	B1811127	Danh Kỳ	XH18W8A2	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
223	B1811135	Neáng Srây Mập	XH18W8A2	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
224	B1811189	Mã Thị Bích Trâm	XH18W8A2	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
225	B1811197	Trịnh Xuân Trường	XH18W8A2	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
226	B1811218	Danh Thị Bé Diệu	HG18W8A1	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
227	B1811308	Néang Ry Na	HG18W8A1	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
228	B1811318	Lê Thị Uyển Nhi	HG18W8A1	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
229	B1811332	Tô Hồng Thẩm	HG18W8A1	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
230	B1811522	Nguyễn Thụy Như Anh	MT18X7A1	Con Thương binh	100%
231	B1811551	Lâm Thái Nguyên	MT18X7A1	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
232	B1811686	Danh Thị Minh Lý	NN18X8A1	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
233	B1811721	Sôm Kim Xuân	NN18X8A1	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
234	B1811856	Lý Hoàng Tuấn	NN18X8A1	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
235	B1811864	Trần Mỹ Ý	NN18X8A2	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
236	B1811888	Huỳnh Trương Tuyết Phương	NN18X9A1	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
237	B1811918	Trần Gia Bảo	TN18Y8A1	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
238	B1811952	Trần Thanh Liêm	TN18Y8A1	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
239	B1812032	Phạm Chí Hiếu	TN18Y8A2	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
240	B1812069	Nguyễn Văn Nhựt	TN18Y8A2	Mồ côi cha mẹ	100%
241	B1812093	Danh Minh Trí	TN18Y8A2	Con Thương binh	100%

Stt	Mã SV	Họ và Tên	Lớp	Đối tượng	Tỉ lệ Miễn, giảm
242	B1812100	Thạch Thị Hồng Vân	TN18Y8A2	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
243	B1812102	Dương Quốc Việt	TN18Y8A2	Mồ côi cha mẹ	100%
244	B1812145	Huỳnh Phi Long	TN18Z5A1	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
245	B1812207	Nguyễn Việt Hưng	TN18Z5A2	Con CNV bị TNLD	50%
246	B1812238	Nguyễn Thanh Trúc Thảo	TN18Z5A2	Con Thương binh	100%
247	B1812411	Ký Lâm Vĩnh Đức	FL18Z9A1	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
248	B1812418	Phương Thiên Hồng	FL18Z9A1	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
249	B1812595	Danh Sáu	MT1857A2	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
250	B1812643	Huỳnh Hữu Trọng	XH1880A2	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
251	B1812677	Trương Ớn Uối	TS18S2A1	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
252	B1812702	Thạch Thái An	TN18T6A1	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
253	B1812752	Dương Quốc Thái	HG18T7A1	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
254	B1812764	Nguyễn Châu Quốc An	HG18U6A1	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
255	B1812797	Thạch Anh Huy	HG18V7A2	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
256	B1812810	Nguôn Hùng Phình	HG18V7A2	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
257	B1812877	Lý Bảo Chân	ML18V9A2	DTTS ở vùng ĐBKK	70%
258	B1812930	Hà Thanh Hùng	MT18X7A1	Con Thương binh	100%
259	B1812940	Huỳnh Lê Mỹ Hạnh	MT18X7A2	DTTS ở vùng ĐBKK	70%

Danh sách gồm có **259** sinh viên

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

